



**BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ**

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 15/01/2021**

**HẠ NHIỆT NHƯNG VẪN NÓNG**

**Tổng hợp tuần:**

Không còn những phiên tăng mạnh như tuần đầu năm nhưng độ nóng trên thị trường là vẫn còn với 4/5 phiên tăng điểm trong tuần giao dịch này. Đóng cửa tuần giao dịch thứ 2 của năm 2021, chỉ số VN-Index tăng 26,51 điểm (+2,27%) lên mức 1.194,20 điểm với thanh khoản đạt 88.314 tỷ đồng; Trong khi đó chỉ số HN-Index có mức tăng tới 8,07 điểm (+3,71%) lên 225,47 điểm với thanh khoản đạt 12.824 tỷ đồng.

**Diễn biến thị trường:**

Sau vài phiên chững lại gần đây, trong phiên giao dịch cuối tuần thị trường đã lấy lại đà tăng quen thuộc và bứt phá lên sát mốc 1.200 điểm ngay sau ít phút mở cửa. Qua những phút hưng phấn đầu phiên thì một lần nữa áp lực chốt lời đã tăng lên đáng kể tại vùng 1.200 điểm khiến các chỉ số mau chóng hạ nhiệt. VN-Index ghi nhận mức điểm cao nhất trong ngày tại 1.197,74 điểm, sau đó hầu như là diễn biến đi ngang cho đến hết phiên giao dịch. Kết thúc phiên cuối tuần, VN-Index tăng thêm 6,8 điểm và dừng chân ở mốc 1.194,20. Rất có thể, nhà đầu tư sẽ được chứng kiến khoảnh khắc lịch sử: thị trường vượt đỉnh 1.204 trong tuần sau nếu diễn biến tích cực được tiếp diễn.

Sắc xanh vẫn giữ được vị thế áp đảo trên các nhóm ngành trong tuần này. Cụ thể, có 13/18 nhóm ngành đóng cửa tăng giá trong tuần này. Đứng đầu là cổ phiếu của nhóm Chứng khoán với mức tăng 7,83% với các mã tiêu biểu là SHS (+16,10%), MBS (+13,94%), FTS (+9,94%) và SSI (+8,84%). Đứng thứ 2 là ngành Hóa chất (7,48%) với các mã HAI (+15,72%), DPR (+14,35%), GVR (+11,92%) và PHR (+7,49%). Có mức tăng mạnh thứ 3 trong tuần là nhóm Ô tô và phụ tùng (4,41%), tiêu biểu là các cổ phiếu TCH (+17,07%), TMT (+15,45%), HHS (+8,89%) và HAX (+7,97%).

Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài đang đưa chúng ta từ bất ngờ này đến bất ngờ khác. Sau phiên mua ròng hơn 986 tỷ ngày hôm qua, trong phiên cuối tuần họ quay ngắt sang vị thế bán ròng với giá trị lên đến 2.221,63 tỷ trên cả 2 sàn, trong đó phần lớn do giao dịch sang tay tại cổ phiếu MSN, chiếm 1.839 tỷ. Lũy kế cả tuần, họ bán ròng tổng 2.183 tỷ trên cả 2 sàn. Các mã bị bán mạnh nhất trong tuần qua gồm MSN (-1.865 tỷ), HPG (-833,30 tỷ), LPB (-249,39 tỷ), VND (-231,21 tỷ). Ở chiều ngược lại, các mã được mua ròng nhiều nhất gồm KBC (+563,30 tỷ), VIC (+495,90 tỷ) và NVL (+478,65 tỷ).

**KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:**

Như chưa hề có cuộc chia ly, phiên tăng điểm vào cuối tuần lại đưa VN-Index đóng cửa trên mốc 1.190 điểm để lăm le hướng tới mốc 1.200 điểm trong tuần sau. Dù thị trường hạ nhiệt về mặt điểm số nhưng thanh khoản giao dịch lại không như vậy, liên tục gia tăng qua mỗi tuần. Điều này cho thấy lực cầu trên thị trường vẫn đang dồi dào nhưng áp lực bán là không hề nhỏ. Chúng tôi cho rằng thị trường đang đạt trạng thái cân bằng giữa bên bán và bên mua. Vì vậy, ở thời điểm hiện tại nhà đầu tư có thể bắt đầu mở mới vị thế mua của mình, nhưng chỉ nên ở trạng thái thăm dò với tỷ trọng nhỏ. Chỉ khi thị trường vượt được mức đỉnh 1.204 điểm, đây mới là thời điểm mà nhà đầu tư nên gia tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục của mình.

**DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ :**

Cổ phiếu	Giá mua	Giá bán	Lợi nhuận kỳ vọng	Giá đóng cửa	Giá cắt lỗ	Cập nhật
DHC	66.0	72.5	10%	68.4	60.7	Chờ khớp
SMC	20.5	23.8	16%	21.3	18.9	Chờ khớp
IDC	45.1	51.5	14%	47.0	41.5	Chờ khớp

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	<b>1.194,20</b>	<b>225,47</b>
Thay đổi (%)	<b>0,57%</b>	<b>1,44%</b>
KLGD (triệu CP)	<b>783,11</b>	<b>185,74</b>
GTGD (tỷ VNĐ)	<b>18.698,35</b>	<b>2.952,47</b>
Số CP tăng giá	<b>320</b>	<b>138</b>
Số Cp đứng giá	<b>40</b>	<b>61</b>
Số Cp giảm giá	<b>134</b>	<b>65</b>

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	<b>2,54</b>	<b>1,51</b>
PE (lần)	<b>19,14</b>	<b>16,23</b>
Hệ số Beta	<b>1,05</b>	<b>0,9</b>
ROE (%)	<b>15,25%</b>	<b>12,38%</b>
ROA (%)	<b>5,89%</b>	<b>5,91%</b>

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	<b>26,90</b>	<b>11,17</b>
GTGD (tỷ VNĐ)	<b>2.380,13</b>	<b>176,52</b>

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	<b>1.126,21</b>	<b>40,69</b>
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	<b>3.232,09</b>	<b>16,78</b>
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	<b>2.105,87</b>	<b>23,91</b>
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	<b>2.081,96</b>	

Chỉ số HĐTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	<b>1.182,20</b>	<b>13,21</b>
VN30F2101	<b>1.190,50</b>	<b>01,60</b>
VN30F2102	<b>1.198,00</b>	<b>04,70</b>
VN30F2103	<b>1.197,60</b>	<b>06,20</b>
VN30F2106	<b>1.195,70</b>	<b>01,80</b>

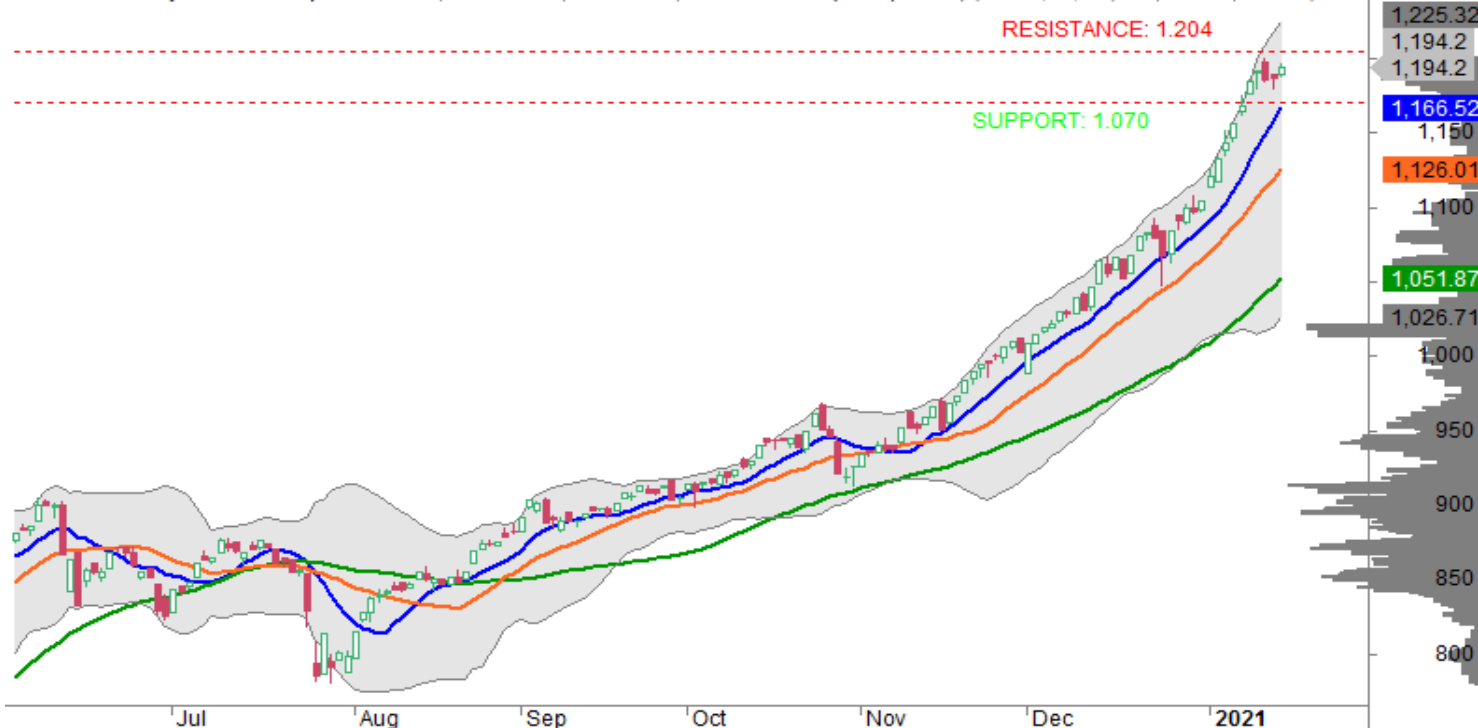
  

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	<b>30.991,52</b>	<b>0,22%</b>
S&P 500 *	<b>3.795,54</b>	<b>0,38%</b>
DAX *	<b>13.988,70</b>	<b>0,35%</b>
FTSE 100 *	<b>6.801,96</b>	<b>0,84%</b>
Nikkei 225	<b>28.519,18</b>	<b>0,62%</b>
Hang Seng	<b>28.573,86</b>	<b>0,27%</b>

\* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX

VNINDEX - Daily 1/15/2021 Open 1188.84, Hi 1197.74, Lo 1187.4, Close 1194.2 (0.6%) BBT<sub>Top</sub>(Close,20,2.2) = 1,225.32, BBB<sub>Bot</sub>(Close,20,2.2) = 1,070.00



VNINDEX - Volume = 783,113,152.00, MA(Volume,15) = 658,464,384.00



Chi báo/Chỉ số	Chi báo ngắn hạn	Chi báo/Chỉ số	Chi báo Trung hạn
Stochastic	QUÁ MUA	MACD	TÍCH CỰC
Volume	TÍCH CỰC	MA18	TÍCH CỰC
MA Ngắn hạn	TÍCH CỰC	MA65	TÍCH CỰC
Trend Ngắn hạn	TÍCH CỰC	Trend Trung hạn	TIÊU CỰC

### Phân tích kỹ thuật:

11 cây nến xanh liên tiếp trên đồ thị tuần tương ứng với 6 tháng tăng điểm liên tiếp, không còn gì phải bàn cãi về xu hướng tăng mạnh mẽ trong cả ngắn hạn và trung hạn của thị trường. Những phiên điều chỉnh nhỏ không đủ giúp chỉ báo RSI thoát khỏi trạng thái "Over buy".

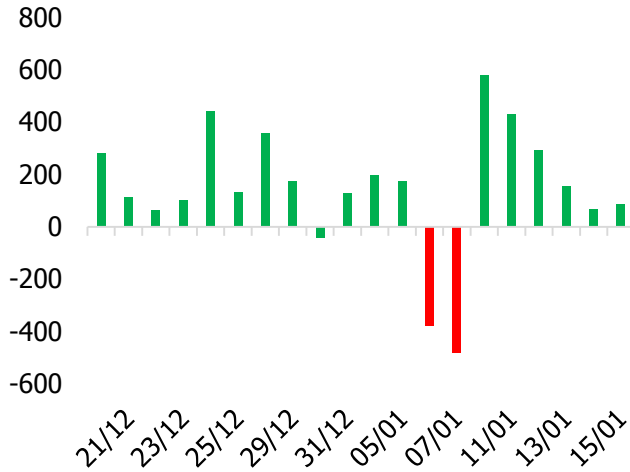
Trong một xu hướng tăng mà thanh khoản gia cùng gia tăng với điểm số, điều này cho thấy bên mua đang tạm thời thắng thế nhưng lực cung bán ra cũng không phải là nhỏ. Vì vậy, không nên để cảm xúc lấn át lý trí, giữ được một cái đầu lạnh và tuyệt đối tuân thủ các kỷ luật đầu tư là điều cần thiết trong giai đoạn hiện tại. Mốc hỗ trợ và kháng cự ngắn hạn để xem xét mở các vị thế mua mới là 1.170 điểm và 1.204 điểm.



**GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG**

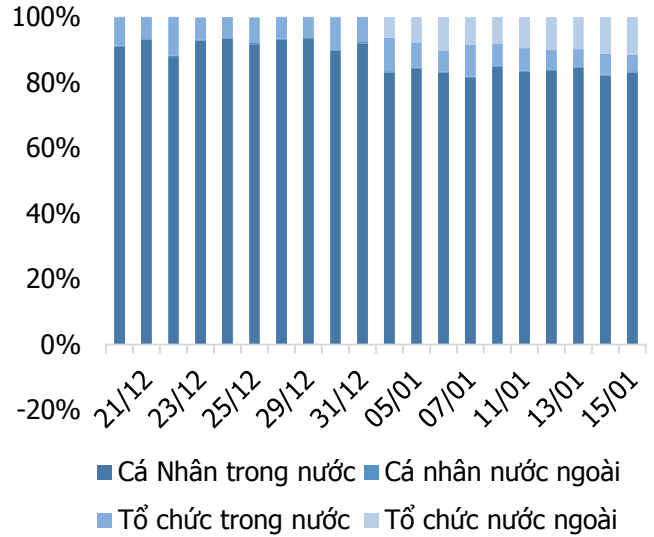
**Giao dịch tự doanh ròng - Ngày**

**Giao dịch tự doanh ròng theo ngày**



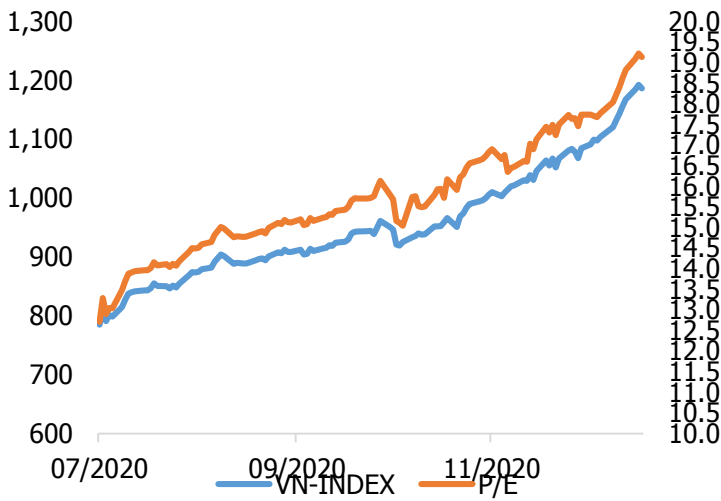
**Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày**

**Giá trị Giao dịch theo NĐT-Ngày**



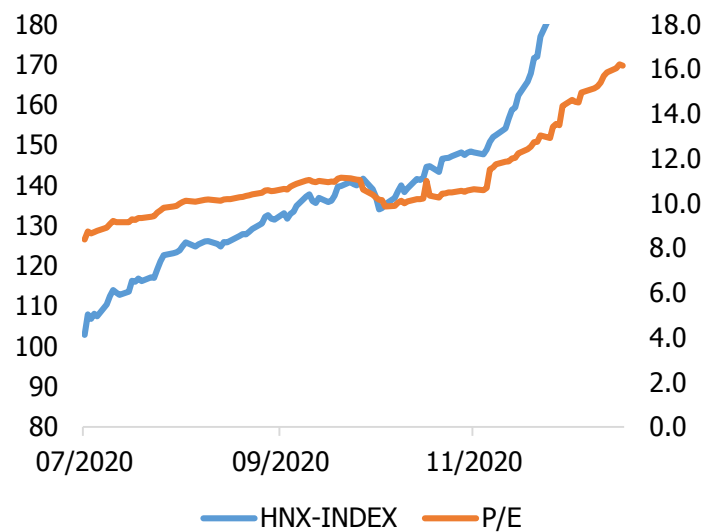
**Vn-indexen – P/E lịch sử**

**VNIndex - P/E lịch sử**



**Hn-index – P/E lịch sử**

**HNXIndex - P/E lịch sử**



**TOP MUA RÒNG TỰ DOANH**

Top mua ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tỷ đồng)
TCB	36,850	53.65
VPB	37,250	43.42
FPT	66,600	41.96
MBB	26,750	37.94
HPG	44,500	33.16

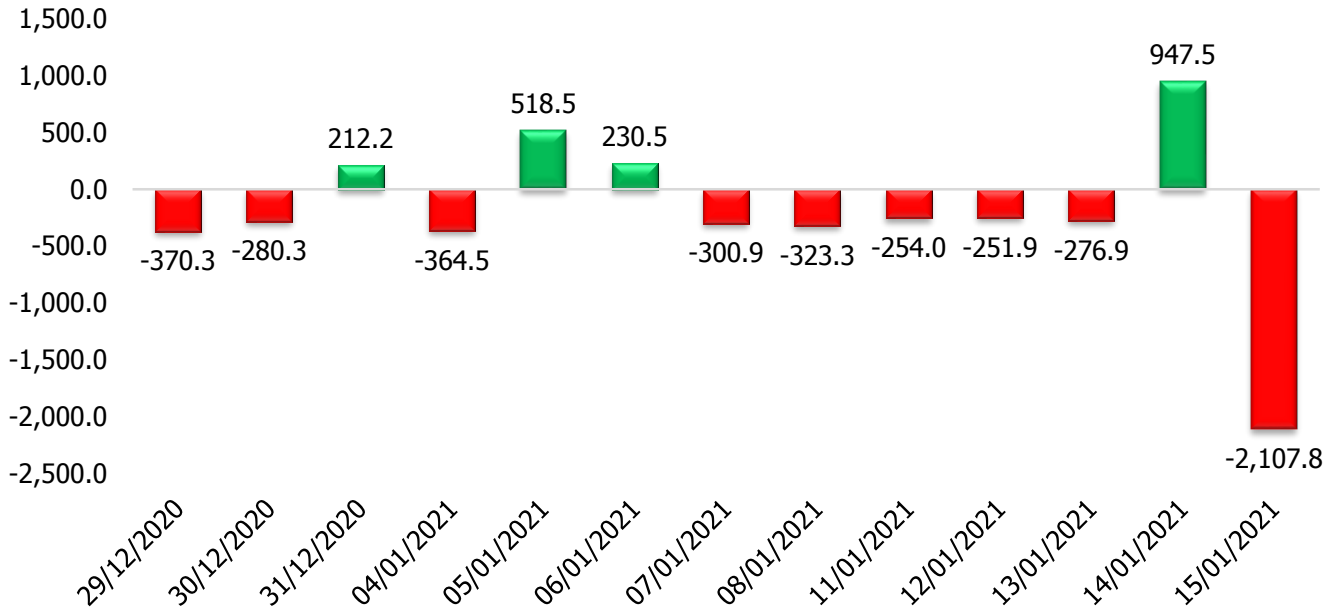
**TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH**

Top bán ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tỷ đồng)
TCB	36,850	56.21
HPG	44,500	56.09
FUEVFNDD	19,250	45.91
STB	21,100	34.05
MWG	127,800	28.10

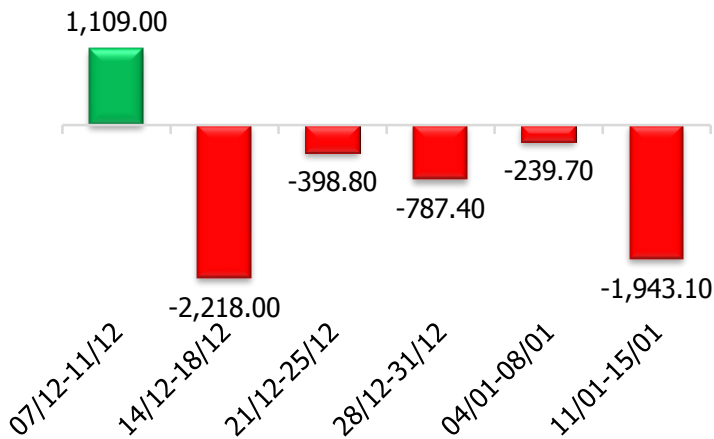
(Nguồn: Fiiipro, CSI tổng hợp và tính toán)

**GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

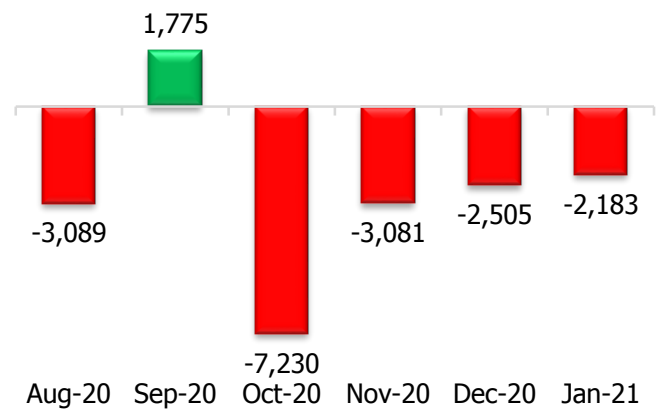
**Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)**



**Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tuần gần nhất (tỷ VNĐ)**



**Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)**



**HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG**

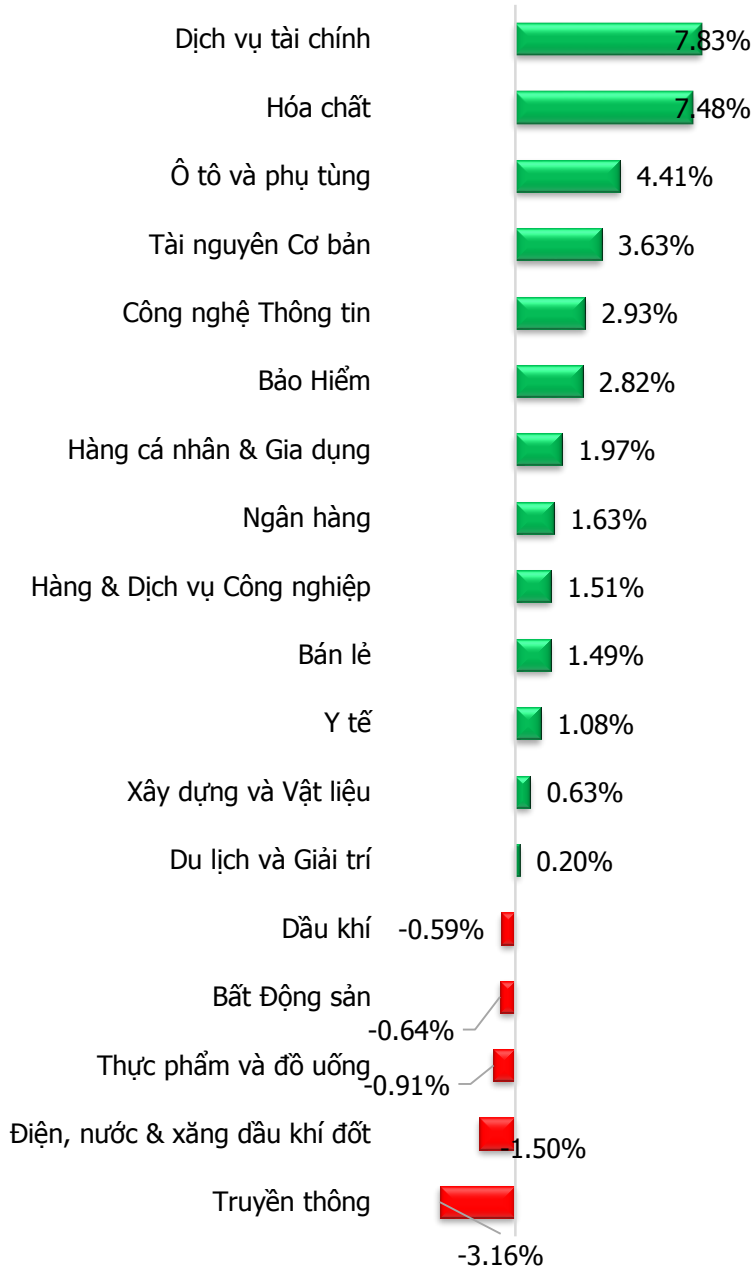
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
FUEVFVND	43.93	MSN	-1702.11
NVL	37.23	HPG	-164.63
SSI	37.18	CTG	-86.78
STB	32.15	GAS	-77.41
SBT	25.79	VND	-52.02

**HNX TOP MUA-BÁN RÒNG**

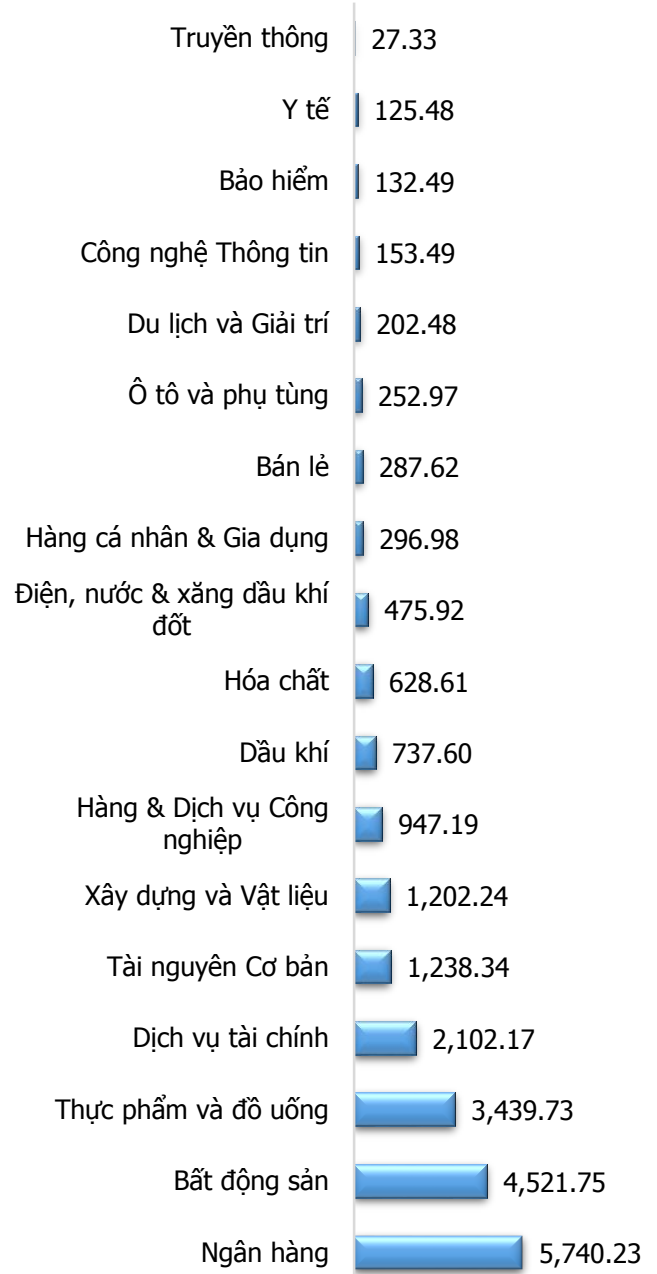
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
SHS	23.27	APS	-4.10
NVB	8.22	BVS	-1.89
DP3	1.02	AMV	-1.80
THD	0.98	PVC	-1.03
HUT	0.69	IDJ	-0.88

**NHÓM NGÀNH**

**Biến động giá theo ngành**



**Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)**



**NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN**

**HOSE TOP TĂNG GIÁ**

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PMG	18,350	1,200	7.00%	14,800
ADS	13,000	850	7.00%	119,000
PVT	16,100	1,050	6.98%	10,603,800
VIX	26,850	1,750	6.97%	5,283,100
CIG	3,070	200	6.97%	76,400

**HNX TOP TĂNG GIÁ**

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NHP	600	100	20.00%	1,588,700
WSS	5,500	500	10.00%	394,800
VE3	8,800	800	10.00%	18,900
NVB	13,200	1,200	10.00%	2,716,100
BKC	5,500	500	10.00%	8,800

**HOSE TOP GIẢM GIÁ**

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
MCP	25,000	-1,600	-6.02%	2,800
HRC	62,900	-4,100	-6.12%	36,900
TTA	19,250	-1,400	-6.78%	2,896,300
EMC	18,100	-1,350	-6.94%	500
KPF	18,050	-1,350	-6.96%	51,200

**HNX TOP GIẢM GIÁ**

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PBP	7,500	-800	-9.64%	100
VE2	6,500	-700	-9.72%	2,500
VTS	25,700	-2,800	-9.82%	400
CAG	45,800	-5,000	-9.84%	2,200
NTH	26,500	-2,900	-9.86%	5,400

**HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN**

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	21,050	950	4.73%	51,670,100
DXG	17,400	-850	-4.66%	33,157,400
FLC	5,180	250	5.07%	24,099,200
HAG	6,390	320	5.27%	20,927,400
HNG	15,750	200	1.29%	18,895,400

**HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN**

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	19,200	100	0.52%	59,199,700
HUT	5,000	400	8.70%	16,755,100
PVS	21,600	800	3.85%	13,934,400
KLF	2,800	-100	-3.45%	9,545,200
IDC	47,000	4,000	9.30%	6,438,300

**HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT**

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	21,050	950.00	4.73%	51,670,100
DXG	17,400	-850.00	-4.66%	33,157,400
FLC	5,180	250.00	5.07%	24,099,200
HAG	6,390	320.00	5.27%	20,927,400
MBB	26,750	350.00	1.33%	19,922,700

**HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT**

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	19,200	100.00	0.52%	59,199,700
HUT	5,000	400.00	8.70%	16,755,100
PVS	21,600	800.00	3.85%	13,934,400
KLF	2,800	-100.00	-3.45%	9,545,200
IDC	47,000	4,000.00	9.30%	6,438,300

(Nguồn: Fiiipro, CSI tổng hợp và tính toán)

## DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa <i>tỷ vnd</i>	Giá trị sổ sách <i>vnd</i>	EPS <i>vnd</i>	ROA <i>%</i>	ROE <i>%</i>	P/E <i>lần</i>	P/B <i>lần</i>	KLGDBQ 6T <i>cổ phiếu</i>	Giá hiện tại <i>ngàn vnd</i>	Tăng/giảm 12T <i>%</i>
1	BID	196,476	19,454	2,133	0.6%	10.7%	22.90	2.51	1,813,088	48,850	-0.85%
2	TCH	9,079	14,259	2,816	10.7%	17.7%	9.13	1.80	7,730,509	26,400	-26.06%
3	CTG	145,771	22,225	2,948	0.9%	13.7%	13.28	1.76	7,850,055	39,500	68.98%
4	KDH	18,441	13,859	2,084	8.4%	15.2%	15.84	2.38	1,488,716	34,000	38.16%
5	PLX	68,497	16,761	847	1.7%	4.3%	66.35	3.35	845,480	56,000	8.71%
6	EIB	26,556	13,500	695	0.6%	5.3%	31.07	1.60	1,996,631	22,000	20.00%
7	FPT	52,051	19,215	4,234	9.4%	18.8%	15.68	3.46	2,271,936	66,600	39.38%
8	GAS	176,275	24,419	4,774	14.3%	18.0%	19.29	3.77	904,582	91,600	1.80%
9	POW	33,255	12,023	671	2.7%	5.2%	21.17	1.18	7,215,621	14,350	34.33%
10	HDB	42,713	13,783	2,700	1.8%	19.5%	9.93	1.94	3,350,285	27,900	57.93%
11	HPG	147,275	16,539	3,235	9.8%	20.9%	13.74	2.69	17,589,248	44,500	117.33%
12	MBB	73,887	16,486	2,993	2.0%	18.4%	8.82	1.60	10,112,842	26,750	41.20%
13	MSN	108,423	17,503	2,066	2.3%	5.9%	44.67	5.27	2,267,513	93,000	65.02%
14	MWG	59,617	32,913	8,517	9.7%	27.9%	15.02	3.89	1,051,530	127,800	13.86%
15	NVL	74,169	25,658	5,861	5.5%	21.6%	12.83	2.93	2,688,688	72,500	35.74%
16	PNJ	18,673	21,762	4,567	12.4%	21.4%	17.98	3.77	1,053,150	82,500	-4.92%
17	REE	16,380	35,105	4,614	7.2%	12.8%	11.49	1.51	533,017	53,500	55.33%
18	ROS	1,862	10,382	-84	-0.4%	-0.8%	-38.94	0.32	8,308,160	3,500	-72.78%
19	SAB	131,463	30,884	6,652	16.3%	21.5%	30.82	6.64	388,705	200,500	-9.44%
20	SBT	14,596	12,262	696	2.4%	5.5%	32.85	1.86	4,161,368	23,800	26.49%
21	SSI	21,175	15,748	1,842	4.1%	11.6%	19.19	2.24	7,288,329	36,950	137.05%
22	STB	36,253	15,637	1,318	0.5%	8.7%	15.25	1.29	17,282,324	21,100	95.15%
23	TCB	125,300	20,029	3,257	2.9%	17.2%	10.98	1.78	14,461,731	36,850	56.11%
24	VCB	385,352	25,204	4,631	1.5%	19.4%	22.43	4.12	1,095,037	103,200	17.17%
25	VHM	327,636	22,770	6,762	10.6%	30.6%	14.73	4.37	3,214,501	101,600	15.41%
26	VIC	373,420	24,271	2,509	2.1%	7.0%	44.00	4.55	925,259	111,200	-4.00%
27	VJC	68,466	26,687	-741	-0.8%	-2.7%	-176.47	4.90	779,437	131,800	-10.48%
28	VNM	236,339	14,044	5,319	23.3%	35.3%	21.26	8.05	2,019,783	113,900	19.66%
29	VPB	90,335	20,257	4,119	2.5%	21.8%	8.93	1.82	7,048,134	37,250	74.00%
30	VRE	83,167	12,466	1,002	6.0%	8.3%	36.53	2.94	5,090,355	36,700	8.44%

(Nguồn: Fiiipro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: [csi.research@vncsi.com.vn](mailto:csi.research@vncsi.com.vn)

**Người thực hiện: Lê Văn Thành**

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán  
Email: [thanhlv@vncsi.com.vn](mailto:thanhlv@vncsi.com.vn)

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI**

**Đỗ Bảo Ngọc**

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu  
Email: [ngocdb@vncsi.com.vn](mailto:ngocdb@vncsi.com.vn)

**Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán**

**Lưu Chí Kháng**

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán  
Email: [khanglc@vncsi.com.vn](mailto:khanglc@vncsi.com.vn)

**Lê Văn Thành**

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán  
Email: [thanhlv@vncsi.com.vn](mailto:thanhlv@vncsi.com.vn)

**Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp**

**Trần Vũ Phương Liên**

Chuyên viên phân tích  
Email: [lientvp@vncsi.com.vn](mailto:lientvp@vncsi.com.vn)

**Vũ Thùy Dương**

Chuyên viên phân tích  
Email: [duongvt@vncsi.com.vn](mailto:duongvt@vncsi.com.vn)

**Hệ Thống Khuyến Nghị:** Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

**TRỤ SỞ CSI**

Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội  
ĐT: + 84 24 3926 0099      Webiste: <https://www.vncsi.com.vn/>